

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định
giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 215/TTr-STNMT ngày 10/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023- 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Hội LHPN tỉnh, BTV Tỉnh đoàn;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐVP + CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH BÌNH ĐỊNH
GIẢI ĐOẠN 2023 -2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Công tác quản lý chất thải rắn của tỉnh trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn (CTR) sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 82,59%; công tác quản lý CTR công nghiệp thông thường bước đầu đã có sự quan tâm của các chủ doanh nghiệp trong việc tái chế, tái sử dụng. Chất thải nguy hại trong lĩnh vực y tế được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo theo quy định. Công tác xã hội hóa dịch vụ thu gom, xử lý rác thải bước đầu đã được thực hiện.

Tuy nhiên, công tác quản lý chất thải rắn hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, cụ thể như: Tỷ lệ thu gom chất thải rắn nông thôn đạt thấp (52,48%), tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo yêu cầu chỉ đạt 49,22%. Tần suất thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn chỉ từ 1- 2 lần, dẫn đến tình trạng xả thải CTR vẫn còn phổ biến tại các khu vực công cộng. Hiệu quả công tác xã hội hóa thu gom, xử lý CTR chưa cao, hạ tầng xử lý CTR sinh hoạt còn thiếu, đầu tư manh mún, cục bộ, khó tập trung nguồn rác để đầu tư xử lý theo công nghệ tiên tiến. Hạ tầng xử lý CTR công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu và thực tiễn phát sinh; Ngân sách chi cho công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt chưa đáp ứng yêu cầu; Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt.

Dự báo đến năm 2025, lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 1.200 tấn/ngày và đến năm 2030, khoảng 1.500 tấn/ngày (*chi tiết tại phụ lục I*); Lượng CTR công nghiệp thông thường đến năm 2025 khoảng 1.900 tấn/ngày và năm 2030 khoảng 2.000 tấn/ngày (trong đó có khoảng 5 - 10% cần xử lý). Chất thải nguy hại (CTNH) đến năm 2025 ước tính 3.600 tấn/năm, đến năm 2030, khoảng 4000 tấn/năm.

Để khắc phục các tồn tại trong công tác quản lý chất thải rắn hiện nay và đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn tới, đồng thời triển khai đồng bộ công tác bảo vệ môi trường (BVMT) theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, UBND tỉnh Bình Định ban hành kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung như sau:

1. Cơ sở pháp lý xây dựng Kế hoạch

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược BVMT quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến 2050: mục tiêu đến năm 2025.

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050: mục tiêu đến 2025.

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025..

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan điểm, mục đích, yêu cầu:

2.1. Quan điểm:

- Thay đổi toàn diện cách tiếp cận quản lý CTR, tạo sự chuyển biến toàn diện về nhận thức và ý thức của toàn xã hội trong công tác quản lý CTR.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và đồng bộ hóa hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về CTR.

- Từ năm 2023, đưa công tác BVMT trên địa bàn tỉnh đi vào nền nếp trên từng lĩnh vực, trong đó có công tác quản lý CTR và tạo cơ sở cho sự thay đổi mạnh mẽ cho các năm tiếp theo.

2.2. Mục đích

- Tập trung sự chỉ đạo huy động sự vào cuộc của các cấp các ngành, tăng cường sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý CTR. Nâng cao nhận thức ý thức người dân tham gia bảo vệ môi trường.

- Triển khai xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý CTR trên địa bàn tỉnh nhằm kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái sức khỏe người dân, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững; Hình thành lối sống thân thiện với môi trường, chủ động phòng ngừa kiểm soát, giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải gây ra tới môi trường và sức khỏe con người.

2.3. Yêu cầu

- Xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để các sở ngành, cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện;

huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các sở ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp và người dân trong công tác quản lý CTR.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTR.

3. Mục tiêu kế hoạch

3.1. Mục tiêu chung

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp CTR; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác quản lý CTR, chú trọng phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu phát sinh và tăng cường tái chế, tái sử dụng; đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài trong quản lý CTR.

- Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, phát triển ngành công nghiệp tái chế, kinh tế tuần hoàn chất thải.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý CTR. Hoàn thiện các quy định, chính sách về quản lý, xử lý CTR trên địa bàn tỉnh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025:

+ 90% CTR sinh hoạt đô thị và 80% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; sử dụng phương pháp chôn lấp trực tiếp cho tối đa 30% CTR sinh hoạt đô thị và 50% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom.

+ Đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

+ Đến ngày 01/01/2025, triển khai đồng bộ phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

+ 100% bãi chôn lấp CTR sinh hoạt tự phát, không hợp vệ sinh phải được xử lý đảm bảo yêu cầu môi trường. Không để phát sinh mới các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, bãi rác tạm trên địa bàn tỉnh.

+ 100% tổng lượng CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nông nghiệp, cơ sở y tế, làng nghề và 50% CTNH từ hộ gia đình phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

+ 100% tổng lượng CTR công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và làng nghề phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường;

+ Sử dụng 100% túi nilon thân thiện với môi trường tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch phục vụ cho mục đích sinh hoạt thay thế cho túi nilon khó phân hủy. Giảm thiểu việc sử dụng đồ nhựa dùng 01 lần trong học sinh, sinh viên, và các quán ăn uống phục vụ tại chỗ.

- Định hướng đến năm 2030:

+ 95% CTR sinh hoạt đô thị và 90% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; sử dụng phương pháp chôn lấp trực tiếp cho tối đa 10% CTR sinh hoạt đô thị và 30% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom.

+ 100% CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nông nghiệp, cơ sở y tế, làng nghề và 90% CTNH phát sinh từ hộ gia đình phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

+ Duy trì 100% tổng lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

4.1. Hoàn thiện quy hoạch quản lý CTR và hệ thống quy định, chính sách về quản lý CTR

- Rà soát, đưa các nội dung quản lý CTR vào quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Trước mắt, rà soát và tiếp tục triển khai, sử dụng các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, các nhà máy xử lý CTR đã có chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư trong thời gian qua. Từng bước hình thành các vùng thu gom, xử lý tập trung.

- Định hướng công nghệ xử lý CTR sinh hoạt tại tỉnh trong thời gian tới: trước mắt ưu tiên công nghệ chế biến phân vi sinh, đốt tiêu hủy, đốt thu hồi nhiệt, nhiên liệu. Khuyến khích các dự án kết hợp 1 - 2 công nghệ xử lý để tận thu tối đa tài nguyên từ rác thải. Lâu dài (sau năm 2030) khi đã hình thành vùng thu gom, xử lý có lượng CTR sinh hoạt đủ lớn, nguồn kinh phí đảm bảo chi trả, thì khuyến khích xã hội hóa đối với công nghệ đốt phát điện. Đối với công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh: tiếp tục duy trì các bãi chôn lấp hợp vệ sinh đã đầu tư, trong thời gian tới chỉ áp dụng ở các khu vực miền núi hoặc khu vực có diện tích đất rộng, lượng CTR sinh hoạt phát sinh và thu gom được ít, và không thể đưa về vùng quy hoạch được vì khó khăn trong vận chuyển. Theo đó:

Đến năm 2025, hình thành khu xử lý CTR tập trung phía Nam tỉnh (gồm Quy Nhơn, An Nhơn, Tuy Phước), công suất 400 tấn/ngày; phía Bắc tỉnh (Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Hoài Ân) công suất 250 tấn/ngày với công nghệ phù hợp; và các địa phương có các khu xử lý CTR tại chỗ: Phù Cát, Vĩnh Thạnh, Vân Canh (công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh); Tây Sơn, An Lão (công nghệ đốt tiêu hủy).

Đến năm 2030, định hướng quy hoạch vùng xử lý chất thải rắn sinh hoạt được phân thành 03 vùng: Khu vực phía Bắc tỉnh (gồm: thị xã Hoài Nhơn, huyện An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ, trong đó thị xã Hoài Nhơn làm Trung tâm); phía Nam tỉnh (gồm: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, Vân Canh, Phù Cát, trong đó thành phố Quy Nhơn là trung tâm) và phía Tây tỉnh (gồm: huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, trong đó huyện Tây Sơn làm trung tâm).

(*Định hướng các khu vực xử lý CTR sinh hoạt tại các địa phương, tại Phụ lục 2*)

Đối với CTR công nghiệp và CTNH: tiếp tục thực hiện tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát.

- Đến hết năm 2023, tập trung hoàn thiện các cơ chế chính sách, quy định về quản lý CTR theo quy định Luật BVMT năm 2020, Quyết định số 491/QĐ - TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn, áp dụng đối với các đơn vị dịch vụ thu gom và xử lý tại các địa phương. Trên cơ sở đó thực hiện việc đặt hàng hoặc đấu thầu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu, ưu tiên công nghệ xử lý đảm bảo, chi phí hợp lý.

- Các địa phương xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, xử lý CTR trên địa bàn giai đoạn 2023 - 2025 (*áp dụng cho các hộ gia đình*).

4.2. Tăng cường năng lực về quản lý chất thải rắn

- Rà soát, củng cố và phân công trách nhiệm quản lý CTR một cách đồng bộ, thống nhất đầu mối quản lý CTR tại các huyện, thị xã, thành phố. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước về CTR. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho các đơn vị thu gom vận chuyển xử lý CTR, nhất là CTR sinh hoạt.

- Xây dựng phần mềm quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu về CTR. Định kỳ hằng năm, điều tra, thống kê, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về chất thải rắn trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

- Tăng cường giám sát việc thải bỏ CTR không đúng quy định tại một số khu vực công cộng, khu dân cư,...bằng nhiều hình thức; bước đầu thực hiện thông qua hệ thống camera, kết nối trực tuyến về Trung tâm Điều hành đô thị thông minh của tỉnh và các địa phương để kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất theo quy định việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại); kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các địa phương tổ chức lắp đặt các trạm cân tại các khu xử lý chất thải rắn (Phù Cát, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, An Lão); lắp đặt camera tại toàn

bộ các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, kết nối dữ liệu về UBND cấp huyện để theo dõi, giám sát.

- Chú trọng tiêu chí về quản lý rác thải trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới; các xã, huyện phải đạt tiêu chí về quản lý rác thải (tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý,...) và tiếp tục duy trì sau khi đã được công nhận đạt chuẩn. Đối với các xã, huyện đã đạt nông thôn mới trước đây, phải rà soát, có kế hoạch hoàn thiện, phấn đấu theo tiêu chí môi trường giai đoạn 2022 - 2025.

4.3. Cải thiện hoạt động thu gom CTR

4.3.1. Đối với CTR sinh hoạt:

- Rà soát, củng cố, tăng cường năng lực cho các đơn vị thu gom vận chuyển CTR sinh hoạt; đảm bảo cơ chế thực hiện, quy trình thực hiện việc thu gom, vận chuyển đúng quy định. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

- Tăng dần tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại các khu vực đô thị và nông thôn đáp ứng mục tiêu của tỉnh. Các địa phương căn cứ tỷ lệ thu gom tối thiểu được giao, cụ thể hóa cho các xã, phường, thị trấn, vừa đáp ứng các yêu cầu chung vừa đáp ứng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023 - 2025. (*Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại các địa phương giai đoạn 2023-2025 cụ thể tại Phụ lục 3*)

- Từ năm 2023, tăng tần suất thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt đô thị và nông thôn tại các địa phương, thêm 01 lần/tuần để đảm bảo đến năm 2025, tần suất thu gom CTR sinh hoạt đô thị đạt 1 ngày/lần; thu gom CTR sinh hoạt nông thôn đạt 2 ngày/lần.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện vận chuyển và trang thiết bị để mở rộng địa bàn thu gom và tăng tần suất thu gom. (*Số lượng xe vận chuyển CTR sinh hoạt dự kiến trang bị bổ sung tại các địa phương được nêu tại Phụ lục 4*). Tùy tình hình thực tế của địa phương, UBND các huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch cụ thể về trang bị phương tiện, trong đó xác định cụ thể chủng loại xe phù hợp điều kiện vận chuyển và thu gom của địa phương; nguồn kinh phí, từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn xã hội hóa.

4.3.2. Đối với CTR công nghiệp thông thường và CTNH

Xây dựng cơ sở dữ liệu về CTR tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên toàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý, bao gồm đầy đủ thông tin về lượng phát sinh, phương pháp xử lý, nơi xử lý, khối lượng xử lý. Trên cơ sở đó, tiến hành thanh tra, kiểm tra quản lý chặt chẽ, tăng tỷ lệ CTR thông thường và nguy hại được thu gom, xử lý.

Thiết lập hệ thống đồng bộ và được vận hành thường xuyên đối với việc thu gom xử lý bao bì thuốc BVTV, từ khâu phân loại, thải bỏ, thu gom, vận chuyển, lưu giữ và chuyển giao xử lý, tại tất cả các xã trên địa bàn tỉnh.

4.4. Đầu tư và kêu gọi đầu tư hạ tầng xử lý CTR

- Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng xử lý CTR sinh hoạt và công nghiệp thông thường phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật bảo vệ môi trường.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn, dài hạn, ưu tiên cho những công trình, dự án xử lý CTR, trong đó xác định rõ nguồn vốn đầu tư xây dựng và quản lý vận hành. Lồng ghép các nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn của tỉnh theo từng giai đoạn hiện nay đến năm 2025 và giai đoạn 2025 – 2030.

- Đầu tư các khu xử lý CTR trên địa bàn tỉnh theo định hướng phân vùng thu gom và xử lý chất thải rắn. Đến năm 2025, công suất các nhà máy xử lý CTR sinh hoạt đạt tối thiểu 650 tấn/ngày; Đến năm 2030, công suất các nhà máy xử lý CTR sinh hoạt đạt tối thiểu 1.150 tấn/ngày.

- Đến năm 2025, đầu tư bổ sung 03 công trình, nhà máy xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn, huyện Tây Sơn và huyện Vĩnh Thạnh, cụ thể:

(1) Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý CTR tại thị xã Hoài Nhơn, công nghệ đốt, chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn 1, công suất 250 tấn/ngày; giai đoạn 2, công suất 350 tấn/ngày. Phạm vi vùng phục vụ thị xã Hoài Nhơn, huyện Hoài Ân, Phù Mỹ. Thời gian triển khai thực hiện năm 2023.

(2) Đầu tư lò đốt rác sinh hoạt tại huyện Tây Sơn, công suất 60 tấn/ngày để phục vụ công tác xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện Tây Sơn. Thời gian triển khai năm 2023.

(3) Đầu tư xây dựng Bãi chôn lấp hợp vệ sinh tại huyện Vĩnh Thạnh, quy mô 05 ha, công suất tiếp nhận, xử lý 25 tấn/ngày. Thời gian thực hiện: 2023-2024.

Thiết lập các khu vực trung chuyển CTR sinh hoạt tại các huyện không có khu vực xử lý CTR. Tại các địa phương có các nhà máy xử lý CTR do doanh nghiệp đầu tư, phải đầu tư các ô chôn lấp chất thải tro sau khi xử lý để kiểm soát chất lượng, công nghệ xử lý CTR của nhà đầu tư, đồng thời là khu vực dự phòng khi có sự cố tại nhà máy.

- Rà soát, lập kế hoạch và thực hiện việc đóng cửa các bãi rác không hợp vệ sinh cấp huyện, xử lý các bãi chôn lấp CTR tạm cấp xã và các điểm tập kết chất thải rắn tự phát. Hoàn thành trong giai đoạn 2023-2025.

- Rà soát Giấy chứng nhận đầu tư nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH Môi trường Phú Hà theo hướng ưu tiên xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Trường hợp nhà đầu tư chậm thực hiện, thì thu hồi chủ trương đầu tư và kêu gọi xã hội hóa đầu tư 01 khu xử lý CTR công nghiệp thông thường, quy mô công suất khoảng 500 tấn/ngày tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát. Ưu tiên các công nghệ tái chế, tái sử dụng, thực hiện kinh tế tuần hoàn.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở tái chế nhựa đầu tư cải tiến công nghệ theo hướng hiện đại, áp dụng sản xuất sạch.

- Trước mắt, chưa mở rộng quy mô, công suất xử lý CTNH hiện có. Chỉ kêu gọi đầu tư hoặc mở rộng công suất của nhà máy xử lý CTNH hiện có, khi công suất xử lý hiện nay không đáp ứng yêu cầu xử lý CTNH của tỉnh. Không mở rộng quy mô công suất của công nghệ đóng kén, chôn lấp đối với CTNH.

4.5. Phân loại CTR tại nguồn

- Đối với CTR sinh hoạt: Triển khai thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật BVMT 2020 với lộ trình phù hợp. Triển khai các mô hình phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trong năm 2023-2024. Trên cơ sở mô hình, từng bước hoàn thiện các quy định về công tác phân loại tại nguồn, bao gồm quy định về bao bì, thiết bị lưu chứa, phương tiện vận chuyển, phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý, trách nhiệm các bên liên quan. Chuẩn bị các điều kiện hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý để đáp ứng các yêu cầu quản lý với chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại. Triển khai thực hiện đồng bộ công tác phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trong năm 2025.

- Đẩy mạnh triển khai phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; xử lý chất thải kết hợp với việc thu hồi năng lượng, ưu tiên hoạt động đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất; tiếp tục triển khai sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất nhằm hạn chế phát thải chất thải rắn ra môi trường.

CTNH phải được phân loại triệt để tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế và khu vực phát sinh bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong nông nghiệp. Rà soát, hoàn thiện mô hình thu gom CTNH phát sinh từ sinh hoạt hộ gia đình đã triển khai trên địa bàn thành phố Quy Nhơn năm 2022, phổ biến nhân rộng cho các khu vực đô thị khác trên địa bàn tỉnh.

4.6. Tập trung tuyên truyền, vận động

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch truyền thông BVMT tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn các quy định mới theo Luật BVMT năm 2020, nhất là việc phân loại tại nguồn CTR sinh hoạt, giảm thiểu rác thải nhựa,...

- Tuyên truyền sâu rộng thông qua phương tiện truyền thanh cấp xã hướng đến người dân trên địa bàn. Nội dung truyền thông theo từng chuyên đề cụ thể, phù hợp điều kiện và mô hình quản lý CTR của từng địa phương.

- Thường xuyên công khai thông tin về vấn đề môi trường, kết quả quan trắc môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân cùng biết, giám sát.

- Đưa nội dung quản lý CTR bao gồm ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý chất

thải rắn theo đúng quy định vào chương trình tập huấn, bồi dưỡng đào tạo tại các cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Chú trọng công tác vận động người dân thực hiện phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa, đổ rác đúng quy định và nộp phí dịch vụ thu gom rác.

5. Kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí cho công tác quản lý CTR sinh hoạt giai đoạn 2023-2025: ước tính **981 tỷ đồng**. Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 236 tỷ đồng (176 tỷ đồng từ nguồn chi thường xuyên và 60 tỷ đồng từ nguồn chi đầu tư).

+ Ngân sách huyện, xã: 495 tỷ đồng.

+ Thu từ người dân: 250 tỷ đồng.

(Chưa bao gồm kinh phí đầu tư các nhà máy xử lý CTR từ nguồn xã hội hóa)

Bảng khái toán kinh phí quản lý chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn 2023 – 2025

(ĐVT: tỷ đồng)

Nội dung	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện, xã	
	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
Thu gom, vận chuyển, xử lý	81		425	
Mua xe vận chuyển	90		-	
Đầu tư Nhà máy xử lý CTR sinh hoạt		60		40
Đóng cửa các bãi rác	-			20
Truyền thông về CTR	5		10	
Tổng cộng	176	60	435	60

- Hằng năm, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tổng hợp dự toán chi thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào trong dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (bao gồm các xã, phường, thị trấn) vào báo cáo dự toán chung toàn huyện, thị xã, thành phố để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định..

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng Kế hoạch quản lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trọng tâm là tăng tỷ lệ thu gom, xử lý CTR đảm bảo theo quy định.

- Hướng dẫn triển khai các mô hình phân loại rác thải tại nguồn tại các địa phương trong năm 2023-2024; trước ngày 01/01/2025, tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quy định về công tác phân loại tại nguồn để triển khai đồng bộ từ năm 2025.

- Tập huấn về môi trường, quản lý CTR cho cán bộ chủ chốt các Hội, đoàn thể cấp tỉnh (tuyên truyền viên, báo cáo viên cấp tỉnh) và nhân lực làm công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn và các hội đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông sâu rộng về công tác BVMT.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương kêu gọi các nhà đầu tư tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt.

- Chủ trì xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về CTR trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với các địa phương thực hiện công tác điều tra, thống kê hằng năm để quản lý và theo dõi chặt chẽ tình hình phát sinh, thu gom, xử lý CTR (sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại) trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, giám sát các địa phương thực hiện công tác đóng cửa các bãi rác không hợp vệ sinh cấp huyện, xử lý các bãi rác tạm cấp xã.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với chủ đầu tư khu xử lý, bãi chôn lấp CTR; công tác chuyên giao, vận chuyển, xử lý CTR công nghiệp thông thường, CTNH đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ rà soát các nội dung của Đề án, báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

6.2. Sở Xây dựng

- Quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý CTR.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các địa phương trong công tác quy hoạch, phân vùng thu gom, xử lý CTR trên địa bàn tỉnh.

6.3. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố, thị xã và căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Đôn đốc, hướng dẫn, thẩm định Đề án giá dịch vụ tối đa đối với hoạt động thu gom, xử lý rác thải của các địa phương, đơn vị để làm cơ sở thu giá dịch vụ thu gom rác từ các hộ gia đình, cá nhân. Hướng dẫn các địa phương xây

dụng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt đối với các tổ chức, cá nhân tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý.

6.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công xây dựng các khu xử lý CTR theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các địa phương tổng hợp danh mục các dự án đầu tư về thu gom, xử lý CTR trên địa bàn để kêu gọi đầu tư.

6.5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tổ chức thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu lựa chọn công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện địa phương trong xử lý CTR, tái chế nhựa; hướng dẫn, giám sát việc chuyển giao và áp dụng công nghệ mới trong xử lý CTR, nghiên cứu vật liệu thay thế nhựa dùng 01 lần trên địa bàn tỉnh.

6.6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền về BVMT, quản lý CTR, phòng chống rác thải nhựa; kịp thời tuyên dương các cá nhân, tổ chức thực hiện tốt công tác BVMT, phê phán các trường hợp vi phạm.

- Định hướng các cơ quan báo chí, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, Đài Truyền thanh các xã, phường, thị trấn tăng cường thông tin, tuyên truyền về giảm thiểu chất thải nhựa, phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

6.7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo toàn ngành thực hiện Phong trào Chống rác thải nhựa tại các cơ sở giáo dục; tăng cường vận động, khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; đưa vào chương trình thi đua, học tập ngoại khóa việc tuyên truyền vận động thực hiện Phong trào Chống rác thải nhựa.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện phân loại chất thải và giảm thiểu chất thải nhựa trong các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo; lồng ghép nội dung chống rác thải nhựa vào các hoạt động giáo dục cho học sinh; đưa nội dung phân loại chất thải và giảm thiểu chất thải nhựa thành một tiêu chí đánh giá trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

6.8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, giám sát các địa phương trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới đúng quy định; tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo cho việc thực hiện công tác BVMT tại các địa phương.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải trên lĩnh vực nông nghiệp theo chức năng nhiệm vụ được giao; phổ biến và hướng dẫn các mô hình tái sử dụng, tái chế chất thải và phụ phẩm nông nghiệp để hạn chế lượng chất thải đưa về các khu xử lý.

6.9. Sở Công Thương:

- Chủ trì thực hiện Đề án phát triển công nghiệp môi trường, các nhiệm vụ phát triển công nghiệp môi trường và kinh tế tuần hoàn; Nghiên cứu xây dựng, phát động phong trào chống chất thải rắn, chất thải nhựa trong ngành công thương trên địa bàn tỉnh, vận động các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành ký cam kết/ tuyên bố hành động chống rác thải nhựa.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ưu tiên hỗ trợ các cơ sở đẩy mạnh phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa khó phân hủy, sản phẩm nhựa dùng một lần.

- Tuyên truyền hướng dẫn các chợ, trung tâm thương mại trong việc sử dụng túi nilon thân thiện với môi trường thay thế cho túi nilon nhựa khó phân hủy, giảm sử dụng đồ nhựa dùng 01 lần.

6.10. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

Thực hiện thống kê định kỳ, xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải và tổ chức quản lý chặt chẽ CTR của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế. Kiểm tra, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm.

6.11. Sở Du lịch

- Chủ trì triển khai thực hiện đảm bảo môi trường trong hoạt động du lịch Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh du lịch, các khu, điểm du lịch giảm thiểu tối đa việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilong khó phân hủy, tăng cường sử dụng các loại vật liệu thân thiện với môi trường, thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

6.12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định

Xây dựng chuyên trang, chương trình cổ động, bài viết, phóng sự, chuyên đề để tuyên truyền về phong trào “Chống rác thải nhựa”, tác hại của sản phẩm nhựa dùng một lần đến môi trường và sức khỏe con người; các mô hình phân loại CTR tại nguồn và công tác quản lý CTR sinh hoạt tại các địa phương trong tỉnh.

6.13. Các hội, đoàn thể và Tổ chức chính trị - xã hội khác trên địa bàn

Các hội, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội khác trên địa bàn tỉnh chuyên trọng tâm từ “tuyên truyền” qua “làm gương, vận động”. Rà soát các mô hình quản lý CTR do các hội, đoàn thể đã triển khai thành công trong thời gian

qua để tổ chức nhân rộng. Tổ chức truyền thông, vận động về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải đến toàn bộ hội viên, các hội, đoàn thể cấp huyện, xã.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức vận động hội viên và gia đình tham gia phân loại rác, nộp giá dịch vụ thu gom rác đầy đủ theo quy định; tham gia các mô hình xử lý CTR hữu cơ sau phân loại.

- Đoàn Thanh niên cộng sản HCM tỉnh Bình Định xung kích trong các hoạt động bảo vệ môi trường tại từng địa phương từ cấp thôn, xã. Đi đầu trong phong trào sống xanh, “Nói không với nhựa sử dụng 1 lần”; Định kỳ tổ chức ra quân làm xanh, sạch, đẹp môi trường.

- Hội Nông dân vận động hội viên phân loại và bỏ bao bì BVTV sau sử dụng vào bể gom; thực hiện xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện; tham gia các mô hình xử lý CTR hữu cơ sau phân loại.

6.14. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đối với các xã vùng cao, mật độ dân cư thấp, điều kiện giao thông khó khăn, thì lựa chọn giải pháp quản lý CTR phù hợp và phải đảm bảo môi trường cho cộng đồng.

- Đề ra chỉ tiêu tỷ lệ thu gom chất thải sinh hoạt hằng năm và có giải pháp tăng cường nguồn lực và giải pháp thực hiện đối với từng loại chất thải rắn.

- Rà soát, thống kê và định kỳ hằng tháng gửi số liệu về chất thải rắn về Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ báo cáo hội nghị đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (định kỳ và đột xuất)

- Chỉ đạo, rà soát các đơn vị, cá nhân thu gom rác trên địa bàn toàn huyện, hỗ trợ nâng cao năng lực hoặc dùng hoạt động đối với các đơn vị thu gom không đủ năng lực (không đủ nhân lực, phương tiện chuyên dụng, không có hóa đơn, biên lai thu giá theo quy định). Xây dựng và ban hành giá dịch vụ đối với các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ thu gom, xử lý CTR làm cơ sở cho việc đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện; Xây dựng tiêu chí và lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR theo quy định; giám sát việc thực hiện đảm bảo yêu cầu chung về môi trường của tỉnh.

- Xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành giá dịch vụ tối đa đối với hoạt động thu gom, xử lý CTR tại các hộ gia đình.

- Lập kế hoạch mua xe vận chuyển chất thải rắn chuyên dùng theo quy định (trừ các địa phương mà việc mua xe do các đơn vị xã hội hóa tự thực hiện).

- Cân đối bố trí ngân sách cho nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt đã đề ra; tăng chi bù đắp cho các xã, phường, thị trấn để tỷ lệ, tần suất thu gom đạt yêu cầu. (chi tiết tại Phụ lục 5)

- Triển khai đúng tiến độ việc đóng cửa các bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh (đã được lấp đầy), bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, bãi rác tạm. (*chi tiết tại phụ lục 6*)

- Triển khai mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn: Trong năm 2023 và 2024, UBND các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn và triển khai từ 1 - 2 phường, thị trấn; tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại các xã đã đạt và đăng ký nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

- Tổ chức tập huấn công tác quản lý CTR cho các xã, phường, thị trấn, các đơn vị thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân các quy định về BVMT, phân loại rác tại nguồn; vận động người dân tuân thủ việc thu gom, bỏ rác đúng nơi quy định và đóng giá dịch vụ thu gom rác; Giao chỉ tiêu cụ thể cho các xã, phường, thị trấn trong việc vận động nâng tỷ lệ hộ gia đình nộp giá dịch vụ thu gom vận chuyển CTR sinh hoạt. Tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, thu gom CTNH phát sinh từ sinh hoạt hộ gia đình (pin, ắc quy chì, bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu, nhiệt kế thủy ngân hỏng,...) và chuyển giao xử lý theo quy định.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành đối với việc thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường nói chung và thu gom, xử lý CTR trên địa bàn. Phân công trách nhiệm phòng ban chuyên môn, các địa phương trong công tác kiểm tra, hướng dẫn công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt. Tăng cường thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với công tác quản lý CTR công nghiệp và nguy hại, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Đầu tư bổ sung các camera an ninh, kết hợp theo dõi, giám sát, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường.

- UBND huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh khẩn trương lập và triển khai dự án xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn.

- UBND thị xã Hoài Nhơn đẩy nhanh thực hiện các bước kêu gọi nhà đầu tư khu xử lý rác thải sinh hoạt phía bắc tỉnh. Đồng thời, chuẩn bị công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng đến ngoài phạm vi công trình, ô chôn lấp chất thải tro sau xử lý.

- UBND các huyện Phù Cát, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão lắp đặt trạm cân tại các khu vực xử lý CTR;

- UBND thành phố Quy Nhơn hướng dẫn nhà đầu tư, tạo điều kiện cần thiết để triển khai ngay dự án nhà máy xử lý rác sinh hoạt tại ô A3 Bãi chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ từ cuối năm 2023.

- Các địa phương thuộc quy hoạch phải vận chuyển CTR sinh hoạt về nhà máy xử lý CTR tập trung (ở địa phương khác), phải đầu tư xây dựng khu vực tập

kết, trung chuyển rác trước khi vận chuyển (đến 2025 là thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, Phù Mỹ, Hoài Ân).

6.15. UBND cấp xã

- Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân các quy định về BVMT, phân loại rác tại nguồn; vận động người dân tuân thủ việc thu gom, bỏ rác đúng nơi quy định và đóng giá dịch vụ thu gom rác.

- Rà soát, lên danh sách các điểm đổ rác thải sinh hoạt tự phát trên địa bàn; có kế hoạch ra quân dọn vệ sinh, đồng thời có giải pháp tổ chức thu gom rác thải thường xuyên tại các khu vực này, không để tồn đọng chất thải.

- Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân bỏ rác đúng quy định; tổ chức giám sát và công khai, xử lý các trường hợp không tuân thủ quy định về thu gom, xử lý CTR.

- Tổ chức thực hiện các mô hình thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, các điểm tập kết CTNH từ sinh hoạt của hộ gia đình phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Tại các xã nông thôn: kết hợp với kho chứa bao bì thuốc BVTV; tại các phường, thị trấn: đặt tại 01 khu vực công cộng thuận tiện việc thu gom cho người dân. Tổ chức chuyên giao CTNH cho đơn vị có Giấy phép xử lý đúng quy định./.

Phụ lục 1

Dự báo Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và 2030

STT	Địa phương	Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh (tấn/ngày)								
		Năm 2022			Năm 2025			Năm 2030		
		Đô thị	Nông thôn	Toàn huyện	Đô thị	Nông thôn	Toàn huyện	Đô thị	Nông thôn	Toàn huyện
1	Quy Nhơn	277,63	18,37	296	321,39	21,27	342,66	410,19	25,85	436,03
2	An Nhơn	57,64	40,59	98,23	66,73	46,99	113,71	85,16	57,11	142,27
3	Hoài Nhơn	109,94	21,90	131,84	127,27	25,35	152,62	162,43	30,82	193,25
4	Phù Cát	17,08	80,99	98,07	19,77	93,76	113,53	25,23	113,96	139,20
5	Phù Mỹ	15	72,74	87,74	17,36	84,21	101,57	22,16	102,35	124,51
6	Tuy Phước	24,16	76,67	100,83	27,97	88,76	116,72	35,70	107,88	143,58
7	Tây Sơn	17,93	67,20	85,13	20,76	77,79	98,55	26,49	94,56	121,05
8	Hoài Ân	5,26	51,39	56,65	6,09	59,49	65,58	7,77	72,31	80,08
9	An Lão	3,78	16,75	20,53	4,38	19,39	23,77	5,58	23,57	29,15
10	Vĩnh Thạnh	7,5	19,76	27,26	8,68	22,87	31,56	11,08	27,80	38,89
11	Vân Canh	10,83	17,02	27,85	12,54	19,70	32,24	16,00	23,95	39,95
	Toàn tỉnh	546,75	483,38	1.030,13	632,93	559,57	1.192,50	807,80	680,16	1.487,96

Phụ lục 2. Quy hoạch thu gom xử lý CTR sinh hoạt các địa phương đến 2025, định hướng đến 2030

TT	Địa phương	Lượng CTR thu gom được (năm 2025)	Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2026-2030
1	Quy Nhơn	336,02	2023-20224: chôn lấp CTR tại ô A4, BCL Long Mỹ 2025: xử lý tại Nhà máy xử lý 400T/ngày của Công ty TNHH Nam Thành Xuân Hiếu (sau 2025, ô A4 thành ô chôn lấp rác tro sau xử lý từ Nhà máy của Công ty)	2027 nâng công suất Nhà máy Công ty Nam Thành Xuân Hiếu 700 tấn/ngày
2	Tuy Phước	110,89	Đưa về khu vực xử lý Long Mỹ	
3	Vân Canh	24,18	BCL hợp vệ sinh (xây dựng hoàn thành 2023)	Từ 2030, khi ô chôn lấp đầy, đưa về khu vực xử lý tại Long Mỹ (Quy Nhơn)
4	TX. An Nhơn	103,68	Đưa về khu vực xử lý Long Mỹ	
5	Tây Sơn	74,95	Lò đốt CTR công suất 60 tấn/ngày	Nâng công suất xử lý (kết hợp làm phân vi sinh và đốt), công suất 100 T/ngày
6	Vĩnh Thạnh	20,51	2023-2024: xây dựng Bãi chôn lấp hợp vệ sinh	Sau 2030, đưa về khu vực xử lý của Tây Sơn
7	Phù Cát	90,82	Chôn lấp tại BCL hợp vệ sinh	sau 2030: đưa về khu vực xử lý Long Mỹ (Quy Nhơn)

8	TX. Hoài Nhơn	124,64	2024: xử lý tại nhà máy 250 tấn/ngày thôn Thiết Đính (kêu gọi xã hội hóa trong 2023)	2028: Nâng công suất nhà máy lên 350 tấn/ngày
9	Phù Mỹ	77,05	Đưa về Nhà máy xử lý phía Bắc tỉnh (thôn Thiết Đính)	
10	Hoài Ân	42,93	Đưa về Nhà máy xử lý phía Bắc tỉnh (thôn Thiết Đính)	
11	An Lão	14,26	Lò đốt 1000kg/h	Sau 2030, đưa về Nhà máy xử lý phía Bắc tỉnh (thôn Thiết Đính)

Phụ lục 3. Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại các địa phương- các năm 2023, 2024 và 2025

Địa phương	Tỷ lệ thu gom (%)								
	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
	Toàn huyện	Đô thị	Nông thôn	Toàn huyện	Đô thị	Nông thôn	Toàn huyện	Đô thị	Nông thôn
Tp. Quy Nhơn	96	96	97	97	97	98	98	98	99
An Nhơn	85	88	80	88	90	85	91	92	90
Hoài Nhơn	70	72	60	76	77	70	82	82	80
Phù Cát	68	70	68	74	75	74	80	80	80
Phù Mỹ	58	70	53	67	75	64	76	80	75
Tuy Phước	70	72	70	83	84	83	95	95	95
Tây Sơn	56	77	50	64	79	60	76	80	75
Hoài Ân	46	64	45	55	67	55	65	70	65
An Lão	45	49	41	52	54	50	60	60	60
Vĩnh Thạnh	52	57	50	59	61	58	65	65	65
Vân Canh	66	68	64	70	71	70	75	75	75
Toàn tỉnh	74	85	61	80	87	70	86	90	80

Phụ lục 4. Số lượng xe vận chuyển CTR chuyên dùng cần trang bị tại các địa phương đến năm 2025

Địa phương	Năm 2022		Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
	Số xe do nhà nước đầu tư	Tổng số xe	Tổng số xe	Số xe bổ sung	Tổng kinh phí mua xe (tỷ đồng)	Tổng số xe	Số xe bổ sung	Tổng kinh phí mua xe (tỷ đồng)	Tổng số xe	Số xe bổ sung	Tổng kinh phí mua xe (tỷ đồng)
Quy Nhơn	0	15	16	1	2	16	0	0	16	0	0
An Nhơn	5	5	6	1	2	8	2	4	9	1	2
Hoài Nhơn	3	4	6	2	4	9	3	6	12	3	6
Phù Cát	4	5	6	1	2	7	1	2	8	1	2
Phù Mỹ	5	5	7	2	4	9	2	4	12	3	6
Tuy Phước	4	4	6	2	4	8	2	4	10	2	4
Tây Sơn	2	2	5	3	6	6	1	2	8	2	4
Hoài Ân	1	1	2	1	2	4	2	4	5	1	2
An Lão	1	1	2	1	2	3	1	2	3	0	0
Vĩnh Thạnh	1	1	2	1	2	3	1	2	3	0	0
Vân Canh	0	2	3	1	2	3	0	0	4	1	2
Toàn tỉnh	26	45	61	16	32	76	15	30	90	14	28

Tùy điều kiện thực tế về địa hình, đường giao thông, khoảng cách thu gom, vận chuyển CTR, nhân lực,.. các địa phương có kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, quy cách của xe ép rác để mua sắm cho phù hợp.

Kinh phí trang bị xe được tính toán tối đa theo số xe cần đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển. Trường hợp địa phương thực hiện tốt việc xã hội hóa thu gom, vận chuyển, sẽ giảm chi từ ngân sách đối với nội dung này.

Phụ lục 5. Nhu cầu kinh phí công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt cho các năm 2023,2024 và 2025
Đơn vị: tỷ đồng

Địa phương	2022			2023			2024			2025		
	Tổng chi phí	Thu từ dân	Cấp bù	Tổng chi phí	Thu từ dân	Cấp bù	Tổng chi phí	Thu từ dân	Cấp bù	Tổng chi phí	Thu từ dân	Cấp bù
Quy Nhơn	89,40	36,81	52,59	108,97	38,92	70,05	115,61	41,29	74,32	141,04	43,81	97,24
An Nhơn	11,63	6,24	5,39	21,07	6,86	14,21	19,05	7,48	11,57	26,45	8,14	18,31
Hoài Nhơn	5,92	5,67	0,25	31,45	6,6	24,85	20,86	7,51	13,35	30,46	8,49	21,97
Phù Cát	5,44	4,62	0,82	6,78	5,35	1,43	17,53	6,10	11,43	19,86	6,91	12,95
Phù Mỹ	3,0	3,0	0	5,58	3,77	1,81	13,88	4,67	9,21	21,05	5,64	15,40
Tuy Phước	8,62	4,02	4,6	8,86	4,06	4,8	19,96	6,28	13,68	30,00	7,52	22,48
Tây Sơn	3,95	3,85	0,1	6,62	4,44	2,18	15,04	5,17	9,87	20,34	6,92	13,42
Hoài Ân	2,05	1,11	0,94	2,2	1,15	1,05	7,76	1,82	5,94	11,88	2,23	9,65
An Lão	0,61	0,39	0,22	1,49	0,5	0,99	3,13	0,63	2,50	3,89	0,79	3,11
V. Thạnh	1,65	0,68	0,97	2,05	0,83	1,22	3,78	0,98	2,80	4,39	1,14	3,26
Vân Canh	1,49	0,3	1,19	3,3	0,34	2,96	4,52	0,38	4,14	5,06	0,43	4,63
Toàn tỉnh	133,76	66,68	67,07	198,37	72,82	125,55	241,11	82,32	158,79	314,42	92,03	222,40

- Ghi chú: Khái toán kinh phí chi cho công tác thu gom vận chuyển, xử lý nói trên được tạm tính trên cơ sở đơn giá bình quân hiện nay, có bao gồm chi phí cho thu gom, vận chuyển xử lý rác tại các hộ gia đình, tổ chức, và kinh phí thu dọn vệ sinh tại các khu vực công cộng, với tần suất đáp ứng nhu cầu. Các địa phương có trách nhiệm xây dựng giá dịch vụ thu gom vận chuyển xử lý áp dụng cho đơn vị thu gom vận chuyển và/hoặc xử lý; trên cơ sở tính đúng, tính đủ, phù hợp điều kiện địa hình, kinh tế xã hội của địa phương, làm căn cứ xây dựng dự toán, triển khai thực hiện và quyết toán theo quy định.

Phụ lục 6. Tiến độ và kinh phí đóng cửa các bãi chôn lấp không đảm bảo vệ sinh trên địa bàn tỉnh

STT	Địa phương	Tên Bãi chôn lấp, đặc điểm	Thời gian đóng cửa	Kinh phí dự kiến đóng cửa (tỷ đồng)
1	Tây Sơn	Ô chôn lấp tại BCL CTR huyện Tây Sơn (Chi phí lấp Ô số 01 và Ô số 04)	Năm 2023 + 2024	3,5
2	Hoài Ân	Cụm Công nghiệp Truong Sỏi, thị trấn Tăng Bạt Hồ	2024	0,2
		15 bãi rác tạm tại các thôn, xã trên địa bàn huyện	2023 -2025	1,5
		Tổng		1,7
3	TX. Hoài Nhơn	Ô chôn lấp hợp vệ sinh hiện nay của thị xã Hoài Nhơn	Năm 2024	2,8
		06 bãi chôn lấp tại các xã, phường trên địa bàn thị xã	Năm 2024	2,2
		Tổng		5,0
4	Phù Cát	Ô chôn lấp A1 bãi rác tập trung huyện Phù Cát (lấp đầy)	Năm 2023	0,7
		06 bãi rác tạm trên địa bàn huyện	Năm 2024	0,6
		Tổng		1,3
5	An Lão	BCL tập trung thị trấn An Lão (không hợp vệ sinh)	Năm 2023	0,5
		BCL xã An Hòa (không hợp vệ sinh)		0,5
		Tổng		1,0
6	Vân Canh	Bãi chôn lấp TT Vân Canh (không hợp vệ sinh)	Năm 2023	1,5
7	Tp. Quy Nhơn	Ô chôn lấp ô A3 tại Bãi chôn lấp Long Mỹ	Năm 2023	2,0
8	TX. An Nhơn	Bãi chôn lấp không hợp vệ sinh của thị xã An Nhơn	Năm 2023	1,5
9	Phù Mỹ	Ô chôn lấp hiện tại của BCL CTR huyện Phù Mỹ	Năm 2024	1,5
		02 bãi chôn lấp tạm cấp xã	Năm 2023	1,0
		Tổng		2,5
10	Vĩnh Thạnh	Bãi chôn lấp không hợp vệ sinh của huyện	2025	1,0
Tổng chi phí đóng cửa bãi rác				20